

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HS-PT
Ngày 11-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Phùng Đức Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Phi Long - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Trường P và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trường P, Lô Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 21-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Trường P, sinh ngày 23-8-1984 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giám đốc Hợp tác xã sản xuất dịch vụ thương mại N; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Khắc D và bà Lý Thị T; có vợ là Triệu Thị D và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST ngày 27-9-2024, bị Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 03-6-2024 đến nay; có mặt.

2. Lô Văn D, sinh ngày 02-01-1985 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng A; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc:

Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lô Văn H và bà Hoàng Thị C; có vợ là Đỗ Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29-7-2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn D:* Bà Chu Thị Nguyễn P - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Ngoài ra, còn có 06 bị cáo khác và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công trình Hỗ trợ hệ thống nhà kho, nhà xưởng chế biến Hợp tác xã N (viết tắt công trình HTX N), địa chỉ xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn được hỗ trợ nguồn vốn đầu tư tại Quyết định số 2628/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới sử dụng 10% ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các hợp tác xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện T. Ngày 15/01/2020, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND về việc phân bổ kế hoạch vốn và danh mục dự án khởi công mới, sử dụng vốn dự phòng 10% ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các hợp tác xã (HTX) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện, tại biểu danh mục dự án công trình HTX N có tổng mức đầu tư là 1.592.442.000 đồng (trong đó: Chi phí xây dựng: 1.323.567.000 đồng, gồm: Ngân sách Nhà nước: 946.170.000 đồng; Hợp tác xã đối ứng: 377.397.000 đồng; chi phí quản lý dự án: 43.439.000 đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 131.301.000 đồng; chi phí khác: 18.222.000 đồng; chi phí dự phòng: 75.910.000 đồng).

Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt BQL TĐ) do Phạm Văn P làm giám đốc và Nông Hồng N - Cán bộ kỹ thuật được giao quản lý công trình HTX N theo Quyết định số: 08/QĐ-BQL, ngày 09/01/2020 của BQL TĐ về việc phân công trách nhiệm và nhiệm vụ cán bộ và người lao động BQL TĐ năm 2020.

Đơn vị thi công là Công ty cổ phần xây dựng và thiết bị công nghệ H (viết tắt Công ty H), địa chỉ: Đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do Nguyễn Ngọc H - làm giám đốc.

Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng A (viết tắt Công ty A), địa chỉ: Đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do ông Nguyễn Văn H - làm giám đốc.

Đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty cổ phần tư vấn xây dựng N (viết tắt Công ty N), địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do bà Lê Thị G - làm Giám đốc, Lê Khắc Đ - làm Phó giám đốc.

Cuối năm 2019, Nguyễn Trường P là Giám đốc HTX sản xuất dịch vụ thương mại N muốn trực tiếp xây dựng công trình nên đã thoả thuận làm ăn chung với Nguyễn Ngọc H, lấy hồ sơ năng lực để Công ty H làm đơn vị xây lắp; liên hệ Lê Khắc Đ mượn hồ sơ năng lực của Công ty N làm đơn vị tư vấn thiết kế; liên hệ Nguyễn Văn H mượn hồ sơ năng lực của công ty A làm đơn vị giám sát và thoả thuận sau khi được thanh, quyết toán tiền giám sát, Nguyễn Trường P sẽ trích lại cho Công ty A 25% (số tiền công ty A được Chủ đầu tư thanh, quyết toán) để trả tiền thuê và tiền công cho mượn hồ sơ, số tiền còn lại là của Nguyễn Trường P. Sau đó, Nguyễn Trường P lên gặp Phạm Văn P để xin tự lựa chọn chỉ định đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty N, đơn vị giám sát là công ty A còn đơn vị thi công là công ty H thì Phạm Văn P đồng ý. Phạm Văn P chỉ đạo Nông Hồng N là người được giao phụ trách công trình cùng Nguyễn Trường P làm thủ tục hồ sơ ban đầu.

Về phần thủ tục hồ sơ của công trình, Nguyễn Trường P thuê Hoàng Văn Đ với số tiền 3.000.000 đồng/tháng để làm hồ sơ công trình. Nguyễn Trường P giao Hoàng Văn Đ liên hệ làm việc trực tiếp với Nông Hồng N và các công ty nêu trên rồi cùng thực hiện làm hồ sơ thủ tục ban đầu của công trình. Căn cứ hồ sơ do Hoàng Văn Đ và Nông Hồng N làm, Phạm Văn P đã trình hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện T để thẩm định và trình lãnh đạo UBND huyện T và được phê duyệt. Nguyễn Trường P gặp Phạm Văn P tại BQL TĐ xin tạm ứng 50% giá trị hợp đồng xây lắp thì Phạm Văn P đồng ý và chỉ đạo Nông Hồng N đưa hợp đồng số 12 cho Nông Minh H là kế toán của BQL TĐ để làm thủ tục tạm ứng. Ngày 12/8/2020, công ty H đã nhận được số tiền tạm ứng là 506.174.000 đồng. Ngày 18/8/2020, Nguyễn Ngọc H đưa Nguyễn Trường P số tiền 505.000.000 đồng để thực hiện thi công xây dựng công trình nhà xưởng HTX N.

Về phần thi công, Công ty H là đơn vị thi công trên hồ sơ nhưng thực tế do Nguyễn Trường P tự thuê nhân công để thực hiện. Từ tháng 08/2020 đến tháng 12/2020, Nguyễn Trường P thuê Nguyễn Minh C để xây dựng công trình, Nguyễn Minh C liên hệ Nguyễn Khắc H để thuê Nông Quốc C, Nông Thành C, Nông Văn Đ, Nông Văn T và một số người nữa không rõ họ tên, địa chỉ để xây dựng hạng mục nhà xưởng.

Do ban đầu Nguyễn Minh C bận, Nguyễn Trường P gọi em ruột là Nguyễn Đại N chỉ đạo máy móc, nhân công vào đào móng lấy ngày động thổ vị trí xây dựng công trình tại thôn Q, xã H, huyện T, Lạng Sơn.

Về phần thanh toán, quyết toán công trình, Nguyễn Trường P chỉ đạo Hoàng Văn Đ làm các hồ sơ thủ tục thanh toán, quyết toán các hạng mục của công trình như sau:

- Đối với đơn vị giám sát:

Khoảng tháng 11/2020, Nguyễn Trường P chỉ đạo Hoàng Văn Đ làm biên bản nghiệm thu khối lượng thanh toán công tác giám sát lần 1 và hồ sơ thanh toán khối lượng tư vấn giám sát hoàn thành lần 1 với số tiền là 34.783.000 đồng rồi gửi bản mềm cho Nông Hồng N kiểm tra. Nông Hồng N đồng ý, sau đó Hoàng Văn Đ đưa Nguyễn Văn H ký, đóng dấu rồi đưa cho Nguyễn Trường P, Nguyễn Trường P đem lên BQL TĐ cho Nông Hồng N, Nông Hồng N trình Phạm Văn P ký, đóng dấu rồi chuyển Nông Minh H làm thủ tục thanh toán. Ngày 26/11/2020, công ty A nhận được số tiền 34.783.000 đồng, Hoàng Văn Đ lên công ty A gặp bà Mai Thị H là thủ quỹ công ty A và nhận số tiền 26.088.000 đồng (số tiền còn lại sau khi trả công cho Công ty là 8.695.000 đồng), Nguyễn Trường P lấy 22.610.000 đồng, còn 3.478.000 đồng là tiền công của Hoàng Văn Đ.

Khoảng tháng 12/2020, Hoàng Văn Đ lại tiếp tục làm hồ sơ thanh toán khối lượng tư vấn giám sát hoàn thành không lần 2 (theo sự chỉ đạo của Nguyễn Trường P) đề nghị thanh toán số tiền là 19.310.000 đồng rồi gửi bản mềm cho Nông Hồng N kiểm tra sau đó Hoàng Văn Đ đưa Hiệu ký, đóng dấu rồi đưa cho Nguyễn Trường P, Nguyễn Trường P đem lên BQL TĐ cho Nông Hồng N, Nông Hồng N trình Phạm Văn P ký, đóng dấu nhưng lần này không được thanh toán do có điều chỉnh nguồn vốn nên sẽ thanh toán vào lần quyết toán.

Khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Trường P chỉ đạo Hoàng Văn Đ làm hồ sơ quyết toán khối lượng tư vấn giám sát tương tự lần 1 (không) với số tiền quyết toán là 59.170.000 đồng. Trừ đi số tiền đã thanh toán lần 1, thì tiền công ty A nhận được lần này là 24.387.000 đồng, công ty đưa lại cho Hoàng Văn Đ là 18.291.000 đồng. Công ty A được hưởng số tiền công là 6.096.000 đồng.

- Đối với đơn vị tư vấn thiết kế: Cuối tháng 12/2021, Nguyễn Trường P chỉ đạo Hoàng Văn Đ lập biên bản nghiệm thu tư vấn thiết kế không và hồ sơ quyết toán, Hoàng Văn Đ gửi hồ sơ cho Nông Hồng N để kiểm tra sau đó Hoàng Văn Đ đem hồ sơ cho Lê Khắc Đ ký rồi đưa hồ sơ cho Nguyễn Trường P để trình Phạm Văn P ký và giao cho Nông Hồng N và Nông Minh H hoàn thiện thủ tục quyết toán. Sau đó, công ty N nhận được số tiền là 50.588.000 đồng. Hoàng Văn Đ lên công ty N để lấy số tiền 38.556.000 đồng. Công ty N giữ lại số tiền 16.524.000 đồng.

- Đối với đơn vị xây lắp: Nguyễn Trường P chỉ đạo Hoàng Văn Đ lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc và hồ sơ thanh toán khối lượng theo hợp đồng, dự toán được phê duyệt không (thực tế công trình thi công như thế nào thì Hoàng Văn Đ không rõ).

Hoàng Văn Đ làm hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành lần 1 đề nghị thanh toán số tiền là 794.522.000 đồng, trong đó đơn vị thi công bị trừ đi giá trị đã tạm ứng là 506.174.000 đồng và được thanh toán số tiền còn lại là 288.348.000 đồng, Hoàng Văn Đ gửi bản mềm hồ sơ cho Nông Hồng N kiểm tra sau đó đưa Nguyễn Ngọc H ký, đóng dấu rồi hoàn thiện hồ sơ và đưa cho Nguyễn Trường P để đem lên BQL TĐ cho Nông Hồng N trình Phạm Văn P ký, đóng dấu rồi chuyển Nông Minh H làm thủ tục thanh toán. Ngày 26/11/2020,

công ty H nhận được tiền thanh toán sau khi trừ đi thuế vãng lai 2% là 272.458.000 đồng.

Hoàng Văn Đ làm hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành lần 2 (không) đề nghị thanh toán số tiền là 151.648.000 đồng rồi gửi bản mềm cho Nông Hồng N kiểm tra sau đó đưa Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Văn H ký, đóng dấu rồi đưa Nguyễn Trường P, Nguyễn Trường P đem lên BQL TĐ cho Nông Hồng N, Nông Hồng N trình Phạm Văn P ký, đóng dấu rồi chuyển Nông Minh H làm thủ tục thanh toán. Ngày 23/12/2020, công ty H nhận được tiền thanh toán sau khi trừ đi thuế vãng lai 2% là 133.225.000 đồng.

Biết được công trình Hợp tác xã D sau khi thực hiện còn dư nguồn vốn nên Nguyễn Trường P lên BQL TĐ gặp Phạm Văn P xin bổ sung nguồn vốn sang công trình HTX N thì Phạm Văn P đồng ý rồi chỉ đạo Nông Hồng N cùng Nguyễn Trường P thực hiện. Nguyễn Trường P nhờ Nguyễn Anh T để làm nội dung bản vẽ thiết kế, dự toán, thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục cấp điện rồi đem đến công ty N đưa Lê Khắc Đ kiểm tra và ký đóng dấu của Công ty rồi đưa lại cho Nguyễn Trường P để đem lên BQL TĐ cho Nông Hồng N. Nông Hồng N hoàn thiện thủ tục hồ sơ gửi qua các cơ quan chuyên môn của UBND huyện để thẩm định và được Chủ tịch UBND huyện T đồng ý chủ trương phê duyệt điều chỉnh bổ sung tổng mức đầu tư xây dựng công trình HTX N và ban hành tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 17/12/2020 về việc điều chỉnh nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020. Ngày 25/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ký Quyết định số: 2711/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phân bổ Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 kèm biểu danh sách có bổ sung hỗ trợ hệ thống điện sản xuất cho công trình HTX N. Ngày 29/12/2020, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2797/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 2020 trong đó công trình: Hỗ trợ hệ thống nhà xưởng, nhà kho chế biến HTX N được bổ sung nguồn vốn xây dựng hạng mục cấp điện nâng tổng mức đầu tư cho công trình lên số tiền 2.934.980.000 đồng, trong đó: Chi phí xây dựng là 2.639.011.000 đồng, gồm: Ngân sách Nhà nước 1.988.280.000 đồng; Hợp tác xã đối ứng: 650.731.000 đồng; chi phí quản lý dự án: 70.581.000 đồng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 181.069.000 đồng; chi phí khác: 44.319.000 đồng.

Sau khi công trình được bổ sung nguồn vốn, Nguyễn Trường P đến BQL TĐ gặp Phạm Văn P xin tạo điều kiện thanh toán trước để có kinh phí thi công hạng mục cấp điện và để giữ nguồn vốn (nguồn vốn thuộc giai đoạn 2016-2020 nên phải có khối lượng trước 31/12/2020 nếu không sẽ bị thu hồi) thì Phạm Văn P đồng ý và chỉ đạo Nông Hồng N thực hiện cùng Nguyễn Trường P. Nguyễn Trường P tự làm hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành lần 3 (không) đề nghị thanh toán số tiền 752.532.000 đồng rồi đưa Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Văn H ký, đóng dấu của các công ty rồi đem lên BQL TĐ đưa Nông Hồng N trình Phạm Văn P ký, đóng dấu. Nông Hồng N đưa hồ sơ cho Nông Minh H làm thủ

tục thanh toán, Phạm Văn P chỉ đạo Nông Minh H giữ lại 5% (của 2.054.458.000 đồng) tiền bảo hành công trình là 102.723.000 đồng chuyển vào tài khoản của BQL TĐ. Ngày 05/01/2021, công ty H nhận được tiền thanh toán sau khi trừ thuế vãng lai 2% là 558.796.000 đồng và ngày 01/7/2021 nhận được số tiền 91.353.000 đồng (là tiền thanh toán khối lượng còn lại của hồ sơ thanh toán lần 3). Tổng 03 lần thanh toán công ty H nhận được số tiền là 1.562.006.000 đồng.

Sau khi thực hiện xong hạng mục nhà xưởng thì tiếp tục thi công hạng mục cấp điện. Hạng mục cấp điện được xây dựng từ tháng 01/2021 (căn cứ Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 12a/2020/PLHĐ-XD ngày 02/11/2020 thì đơn vị thi công phải hoàn thành vào ngày 25/01/2021), Nguyễn Trường P chỉ đạo nhân công đào và lắp đặt 30 cột điện vào vị trí, sau đó Nguyễn Trường P và Nguyễn Ngọc H xảy ra mâu thuẫn nên Nguyễn Trường P bỏ không làm nữa khiến công trình bị ngưng thi công. Tháng 6/2021, quá thời gian thi công theo quy định, Nông Hồng N báo cáo Phạm Văn P, Phạm Văn P liên hệ Nguyễn Trường P yêu cầu hoàn thiện nốt công trình nhưng Nguyễn Trường P không thực hiện. Tháng 9/2021, do lo sợ công trình không được xây dựng hoàn thiện nên Phạm Văn P và Nông Hồng N liên hệ với Nguyễn Ngọc H yêu cầu lên tiếp tục xây dựng công trình và nói không quyết toán trước 31/12/2021 thì công trình sẽ bị thu hồi vốn. Tháng 12/2021, Nguyễn Ngọc H lên BQL TĐ gặp Phạm Văn P xin tạo điều kiện quyết toán trước, sau khi nhận được tiền quyết toán Nguyễn Ngọc H sẽ hoàn thiện công trình thì Phạm Văn P đồng ý và chỉ đạo Nông Hồng N hỗ trợ Nguyễn Ngọc H làm hồ sơ quyết toán công trình. Nguyễn Ngọc H thuê Lô Văn D - Cán bộ kỹ thuật công ty A với giá 6.000.000 đồng để làm hồ sơ quyết toán thì Lô Văn D đồng ý. Nông Hồng N gửi hồ sơ công trình và Biên bản xử lý kỹ thuật hiện trường số 01/BBHT cho Nguyễn Ngọc H yêu cầu Nguyễn Ngọc H in bản cứng cho các thành phần trong biên bản ký, đóng dấu để hợp thức hoá hồ sơ; Nguyễn Ngọc H gửi cho Lô Văn D hồ sơ công trình, Lô Văn D trao đổi với Nguyễn Ngọc H trong hồ sơ quyết toán phải có Tập thí nghiệm thì mới quyết toán được, Lô Văn D liên hệ với Nguyễn Đình K là nhân sự của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đ (viết tắt Công ty Đ) mở chi nhánh văn phòng tại địa chỉ đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để mua kết quả thí nghiệm giả thì được Nguyễn Đình K báo giá 6.000.000 đồng. Lô Văn D trao đổi lại với Nguyễn Ngọc H thì được Nguyễn Ngọc H đồng ý, quá trình làm tài liệu giả như sau: Nguyễn Đình K cung cấp cho Lô Văn D thông tin của Nguyễn Thế H là cán bộ thí nghiệm của công ty Đ để Lô Văn D làm 01 biên bản lấy mẫu thí nghiệm vật liệu không, 10 biên bản lấy mẫu bê tông (TCVN 4453-1995) không, 10 biên bản theo dõi thi công đổ bê tông không có thành phần đại diện của đơn vị giám sát công ty A là ông Đặng Văn T và đại diện đơn vị xây lắp Công ty H là ông Đặng Quang H và đại diện của công ty Đ là ông Nguyễn Thế H rồi gửi toàn bộ các biên bản này và thông tin của công ty H, thông tin của công trình HTX N cho Nguyễn Đình K qua Zalo để Nguyễn Đình K làm 44 kết quả thí nghiệm giả của công ty Đ có chèn sẵn chữ ký của Nguyễn Thế H - Cán bộ thí nghiệm, Kỹ sư Nguyễn Đức D - Trưởng phòng thí

nghiệm, Nguyễn Bá K - Giám đốc công ty Đ. Làm xong Nguyễn Đình K gửi cho Nguyễn Thị H - Nhân viên văn phòng Công ty Đ địa chỉ khu C, đường C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh qua Zalo; Nguyễn Thị H báo cáo Nguyễn Bá K – Giám đốc rồi đóng con dấu đỏ hình thoi có nội dung “XD LAS 628” vào tất cả phần mục có chữ ký của kỹ sư Nguyễn Đức D và đóng con dấu đỏ hình tròn có nội dung “Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và Thương mại Đ ★ TP. B - T. Bắc Ninh ★ M.S.D.N: 2300991228-C.T.C.P” vào tất cả phần mục có chữ ký của giám đốc Nguyễn Bá K sau đó gửi toàn bộ 44 tờ kết quả thí nghiệm lại cho Nguyễn Đình K bằng xe khách. Khi nhận được 44 tờ kết quả thí nghiệm, Nguyễn Đình K in 10 biên bản lấy mẫu bê tông (TCVN 4453-1995) do Lô Văn D gửi từ trước rồi tự ký không chữ ký của Nguyễn Thế H – Cán bộ thí nghiệm rồi gọi điện cho Lô Văn D trực tiếp đến lấy tất cả tài liệu giả, Lô Văn D ký không vào phần mục chữ ký của Đặng Văn T và Đặng Quang H rồi lấy phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm xi măng của Công ty TNHH tập đoàn H ngày 05/3/2020, giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của Công ty cổ phần gang thép T 04 bản các ngày 07,09,12/3/2020; bảng giá sản phẩm dây và cáp điện T ngày 27/4/2020; giấy chứng nhận sản phẩm dây và cáp điện, giấy chứng nhận cáp điện vặn xoắn cách điện XLPE, giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đều của Công ty TNHH C VIỆT NAM bản sao y để làm thành 01 Tập thí nghiệm hoàn chỉnh. Lô Văn D tự ký chữ ký không của Đặng Văn T, Đặng Quang H, Ngô Quốc H và Trần Văn T trong hồ sơ quyết toán rồi đưa toàn bộ hồ sơ quyết toán hoàn chỉnh cho Nguyễn Ngọc H. Nguyễn Ngọc H tự ký, đóng dấu vào các phần mục của đơn vị thi công tại hồ sơ quyết toán và Biên bản xử lý kỹ thuật hiện trường số: 01/BBHT rồi đưa cho Nguyễn Văn H, Lê Khắc Đ, Nguyễn Trường P, ông Nguyễn Như Bình (Trưởng phòng Kinh tế - hạ tầng huyện T) ký, đóng dấu sau đó đem lên cho Nông Hồng N. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hạng mục công việc thi công xây dựng ngày 26/01/2021 là tài liệu bắt buộc theo quy định để thực hiện quyết toán, mặc dù Lê Khắc Đ không được tham gia nghiệm thu thực tế công trình tại hiện trường, không biết thực tế công trình có được xây dựng đúng với bản vẽ thiết hay không nhưng khi Nguyễn Ngọc H đưa Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hạng mục công việc thi công xây dựng ngày 26/01/2021 và Biên bản xử lý kỹ thuật hiện trường số 01/BBHT, Lê Khắc Đ thấy các thành phần có tại biên bản đã ký, đóng dấu nên Lê Khắc Đ cũng ký, đóng dấu theo.

Sau khi làm hồ sơ quyết toán không xong, ngày 28/12/2021, Nông Hồng N chuyển hồ sơ đến các phòng ban chuyên môn của UBND huyện T để thẩm định. Ngày 30/12/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3428/QĐ-UBND phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Hỗ trợ hệ thống nhà xưởng, nhà kho chế biến HTX N, Nông Hồng N đưa hồ sơ quyết toán cho Nông Minh H để làm thủ tục quyết toán. Ngày 31/12/2021, công ty H nhận được tiền quyết toán công trình sau khi trừ thuế vãng lai 2% là 283.786.000 đồng. Tháng 01/2022, Nguyễn Ngọc H liên hệ với Nguyễn Minh C để thuê người vào xây dựng tiếp hạng mục cáp điện cho công trình HTX N, Chiến giới thiệu Nguyễn Khắc H - Cán bộ Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện T thuê nhân công xây

dựng hạng mục cấp điện thì Nguyễn Khắc H đồng ý, do không có bản vẽ thiết kế nên Nguyễn Ngọc H chỉ đạo nhân công lắp thêm cột điện vào móng trống có sẵn rồi đấu nối dây điện, nhưng chưa hoàn thiện để sử dụng được. Kể từ thời điểm đó đến khi Công trình bị phát hiện sai phạm, công ty H không xây dựng thêm bất kỳ phần việc nào của công trình HTX N.

Nguyễn Ngọc H thuê bà Hoàng Thị T để làm kế toán bán thời gian cho công ty, Nguyễn Ngọc H chỉ đạo bà Hoàng Thị T hạch toán và ghi nhận vào báo cáo tài chính của công ty cho cơ quan thuế trên trang thuế điện tử: thuedientu.gdt.gov.vn. Đến thời điểm hiện nay tuy đã nghiệm thu để thanh, quyết toán tổng số tiền xây lắp công trình là 1.845.792.000 đồng nhưng Nguyễn Ngọc H không thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng các lần nghiệm thu thanh, quyết toán để nộp thuế theo quy định. Đến ngày 04/3/2024, công ty A xuất hoá đơn giá trị gia tăng 4 ký hiệu 1C24TAB và ngày 02/4/2024, công ty N xuất hoá đơn giá trị gia tăng 7 ký hiệu 1C24TNM cho BQL TĐ.

Tổng số tiền BQL TĐ đã thanh, quyết toán tiền công trình HTX N qua công ty H là 1.845.792.000 đồng. Những khoản tiền Nguyễn Trường P và Nguyễn Ngọc H đã chi cho công trình, gồm: Chi tiền xây dựng thực tế cho Nguyễn Minh C 623.000.000 đồng, cho Nguyễn Khắc H 166.500.000 đồng; chi mua thép, tôn cho công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T 335.300.000 đồng; chi mua cột điện cho công ty TNHH một thành viên (MTV) M Lạng Sơn số tiền 118.840.000 đồng; chi tiền mua dây điện, phụ kiện lắp đặt cho Công ty TNHH MTV xây lắp điện P số tiền 62.000.000 đồng; chi trả tiền mua dây điện, phụ kiện lắp đặt cho công ty TNHH thiết bị điện N số tiền 65.400.000 đồng, chi thuê người cắt thép hạng mục nhà xưởng số tiền 11.080.000 đồng; chi tiền bảo lãnh công trình HTX N 28.000.000 đồng; chi tiền đền bù các hộ dân có cột điện đi qua khu vực nhà 3.000.000 đồng; chi thanh toán các khoản xây dựng khác 45.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chi là 1.458.120.000 đồng, dư so với số tiền được thanh toán là 387.672.000 đồng, trong đó Nguyễn Ngọc H tự giữ lại 176.353.000 đồng làm tiền cá nhân, còn lại sử dụng cho các khoản chi chung của công ty và chi cá nhân cho Nguyễn Trường P.

Tại Biên bản Giám định hiện trường công trình: Hỗ trợ hệ thống nhà xưởng, nhà kho chế biến hợp tác xã N ngày 27/3/2024 kết luận: Thực tế thi công quy mô các hạng mục có sự sai khác so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh, hồ sơ quản lý chất lượng, hoàn công.

Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 25/KL-TTGDCL&QHXD, ngày 30/5/2024 của Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn, kết luận: Giá trị khối lượng quyết toán không là 387.837.509 đồng, đây là giá trị thiệt hại đối với chi phí xây dựng thuộc ngân sách nhà nước.

Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 177/KL-TTGDCL&QHXD, ngày 14/8/2024 của Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn, kết luận: Công ty H, công ty A, công ty N là tổ chức có đủ năng lực thi công đối với công trình.

Kết luận giám định số 886/KL-KTHS, ngày 16/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Thế H trên 10 (mười) Biên bản lấy mẫu bê tông (TCVN 4453-1995) so với chữ ký Nguyễn Thế H trên tài liệu so sánh không phải cùng một người ký ra; chữ ký mang tên Nguyễn Thế H và Nguyễn Bá K trên 44 (bốn mươi bốn) kết quả thí nghiệm là chữ ký sao chụp; hình dấu tròn có nội dung “Công ty cổ tư vấn xây dựng và Thương mại Đ ★ TP. B - T. Bắc Ninh ★ M.S.D.N: 2300991228-C.T.C.P” trên 44 (bốn mươi bốn) kết quả thí nghiệm so với con dấu tròn mẫu so sánh không phải cùng một con dấu đóng ra; hình dấu có nội dung “XD LAS 628” trên 44 (bốn mươi bốn) kết quả thí nghiệm so với con dấu mẫu so sánh không phải cùng một con dấu đóng ra.

Kết luận giám định số 1176/KL-KTHS, ngày 19/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “Công ty cổ tư vấn xây dựng và Thương mại Đ ★ TP. B - T. Bắc Ninh ★ M.S.D.N: 2300991228-C.T.C.P” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A44 (trừ các tài liệu A2, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một con dấu đóng ra; hình dấu tròn có nội dung “Công ty cổ tư vấn xây dựng và Thương mại Đ ★ TP. B - T. Bắc Ninh ★ M.S.D.N: 2300991228-C.T.C.P” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M đóng ra (là hình dấu được tạo bằng phương pháp sao chụp); hình dấu tròn có nội dung “Công ty cổ tư vấn xây dựng và Thương mại Đ ★ TP. B - T. Bắc Ninh ★ M.S.D.N: 2300991228-C.T.C.P” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A45 so với hình dấu tròn có nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải cùng một con dấu đóng ra.

Kết luận giám định số 1033/KL-KTHS, ngày 08/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam đựng trong 04 (bốn) phong bì, gồm: phong bì niêm phong 544.000 đồng; phong bì niêm phong 19.120.000 đồng; phong bì niêm phong 5.100.000 đồng và 57.000.000 đồng; phong bì niêm phong 2.500.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Kết luận giám định số 1967/KL-GĐTP, ngày 13/11/2024 của Chi cục thuế thành phố L, kết luận: Công ty H có hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 3, Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các loại thuế trốn gồm: Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

+ Về thuế GTGT: Căn cứ số liệu về giá trị công trình hoàn thành nhưng chưa xuất hoá đơn của cơ quan CSĐT huyện Tràng Định là 1.845.792.000 đồng. Số thuế trốn là $1.845.792.000 \text{ đồng} \times 10\% = 184.579.200 \text{ đồng}$.

+ Về thuế TNDN: Do không có số liệu về chi phí tương ứng đối với khoản doanh thu 1.845.792.000 đồng của công trình HTX N do vậy không có căn cứ để xác định mức thuế TNDN trốn.

Báo cáo số 657/BC-TCKH, ngày 25/12/2024 của Phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện V, tỉnh Lạng Sơn về Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính, kết luận:

+ Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu là 1.012.348.000 đồng, việc chủ đầu tư lựa chọn hình thức chỉ định thầu rút gọn, phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện T và trình Chủ tịch UBND huyện T phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu với hình thức chỉ định thầu rút gọn là không đúng quy định.

+ Đối với gói thầu giám sát thi công được chỉ định thầu rút gọn là đúng quy định.

+ Không có cơ sở để đánh giá mức độ thiệt hại từ việc chỉ định thầu rút gọn gói thầu xây lắp không đúng quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 21-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn:

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 224 của Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 38; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trường P 03 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn tại Bản án số 54/2024/HS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm d khoản 2 Điều 224, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lô Văn D 03 năm tù về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng; 03 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 06 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 03 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng; 03 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; 06 tháng tù về Trốn thuế. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 07 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 03 năm 06 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn H, Nông Hồng N mỗi bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng, thời gian thử thách 05 năm.

Xử phạt bị cáo Lê Khắc Đ 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, thời gian thử thách 03 năm.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về hình phạt bổ sung, án phí, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Trường P, Lô Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Trường P, Lô Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Trường P phạm tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng; bị cáo Lô Văn D phạm tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, việc đánh giá vai trò của các bị cáo chưa tương xứng, chưa đầy đủ với hành vi của từng bị cáo, gây bất lợi đối với bị cáo Lô Văn D về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Đối với bị cáo Nguyễn Trường P có vai trò quan trọng, chủ động móc nối với các bị cáo khác trong hoạt động đầu thầu xây dựng nên giữ vai trò chính trong vụ án về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Đối với bị cáo Lô Văn D mức độ nguy hiểm không đáng kể, chỉ tham gia ở giai đoạn sau và là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Ngọc H để quyết toán công trình, nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là nghiêm khắc chưa tương xứng với vai trò của bị cáo về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng, bị cáo Lô Văn D do có tình tiết mới và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và lần đầu phạm tội với vai trò giúp sức nhưng với vai trò không đáng kể nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù đối với tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Đối với bị cáo Nguyễn Trường P không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn D, tại đơn xin xét xử vắng mặt có trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo gồm ông nội có huân chương, bố vợ được tặng thưởng nhiều huân huy chương, ông nội của vợ là liệt sỹ, vợ bị cáo trong quá trình làm việc được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến và nhiều lần tham gia hiến máu tình nguyện, bản thân bị cáo có nhiều đóng góp cho công tác xã hội hoá, tham gia thiện nguyện. Trong vụ án này bị cáo chỉ là vai trò đồng phạm giúp sức, làm theo chỉ đạo của Nguyễn Ngọc H, bị cáo được hưởng lợi mà chỉ

được trả tiền công. Bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân nhận thức pháp luật hạn chế. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do bột phát nhất thời, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và một số tình tiết mới mà bị cáo đã cung cấp. Đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo Lô Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trường P, Lô Văn D thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Trường P về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng theo điểm d khoản 1, 4 Điều 224 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xét xử bị cáo Lô Văn D về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 224 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện, đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; mức hình phạt của Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có phần phù hợp. Tại cấp phúc thẩm:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Trường P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bản thân, xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trường P, cần giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[2.2] Bị cáo Lô Văn D cung cấp tài liệu mới thể hiện bị cáo có tham gia ủng hộ cho trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện V; bố đẻ của bị cáo là ông Lô Xuân H được Hội chữ thập đỏ huyện P tặng Giấy khen; mẹ đẻ là bà Hoàng Thị C được Ủy ban nhân dân xã P, Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ huyện B, Hội liên hiệp phụ nữ huyện B, Ban chấp hành Hội nông dân Việt Nam huyện B tặng nhiều Giấy khen; bố vợ là ông Đỗ Minh P được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang; ông nội của vợ bị cáo là ông Đỗ Minh Đ là liệt sỹ; vợ là bà Đỗ Thị H được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, tham gia hiến máu tình nguyện nhiều năm, hiện nay đang mang thai. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, đối với tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng, bị cáo Lô Văn D lần đầu phạm tội; là đồng phạm giúp sức trong vụ án với vai trò không đáng kể, bị cáo không tham gia thực hiện tội phạm ngay từ đầu, bị cáo thực hiện tội phạm là theo chỉ đạo của Nguyễn Ngọc H; bị cáo Lô Văn D có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015 và có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lô Văn D, áp dụng khoản 1, 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo đối với tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, bị cáo là người chủ động, tích cực để làm giả 44 kết quả thí nghiệm, các tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo cung cấp không đủ điều kiện để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt cũng như giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội danh này.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa, ý kiến nào phù hợp với nhận định, đánh giá nêu trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Trường P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước. Bị cáo Lô Văn D được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trường P, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 21-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Trường P, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 224 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Trường P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù về tội In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn tại Bản án số 54/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành

hình phạt tù được tình từ ngày 03-6-2024 được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 21-12-2023 đến ngày 18-5-2024.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoặc hành nghề liên quan đến các hoạt động đấu thầu thi công công trình xây dựng có vốn Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lô Văn D; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 21-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của bị cáo Lô Văn D, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm d khoản 2 Điều 224, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 54 (đối với tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng); Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lô Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng; 03 (ba) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trường P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm, nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Lô Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. T, t. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí

